

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

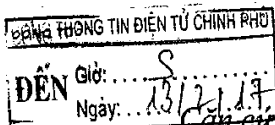
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2017/QĐ-UBND

Vinh Phúc, ngày 08 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình tỉnh Vĩnh Phúc.**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 580/TTr-SNV ngày 23 tháng 12 năm 2016 về việc thành lập các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng:

Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình tỉnh Vĩnh Phúc là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban có chức năng quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Làm chủ đầu tư các dự án lớn, dự án trọng điểm của tỉnh sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình tỉnh Vĩnh Phúc có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư gồm:

a) Lập kế hoạch dự án: Lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm, trong đó phải xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện;

b) Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng: Thực hiện các thủ tục liên quan đến quy hoạch xây dựng, sử dụng đất đai, tài nguyên, hạ tầng

kỹ thuật và bảo vệ cảnh quan, môi trường, phòng chống cháy nổ có liên quan đến xây dựng công trình; tổ chức lập dự án, trình thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định; tiếp nhận, giải ngân vốn đầu tư và thực hiện các công việc chuẩn bị dự án khác;

c) Các nhiệm vụ thực hiện dự án: Thuê tư vấn thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng và trình thẩm định, phê duyệt hoặc tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng (theo phân cấp); chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có) và thu hồi, giao nhận đất để thực hiện dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; giám sát quá trình thực hiện; giải ngân, thanh toán theo hợp đồng xây dựng và các công việc cần thiết khác;

d) Các nhiệm vụ kết thúc xây dựng, bàn giao công trình để vận hành, sử dụng: Tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành; vận hành chạy thử; quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình và bảo hành công trình;

đ) Các nhiệm vụ quản lý tài chính và giải ngân: Tiếp nhận, giải ngân vốn theo tiến độ thực hiện dự án và hợp đồng ký kết với nhà thầu xây dựng; thực hiện chế độ quản lý tài chính, tài sản của Ban quản lý dự án theo quy định;

e) Các nhiệm vụ hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình: Tổ chức văn phòng và quản lý nhân sự Ban quản lý dự án; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, viên chức thuộc phạm vi quản lý; thiết lập hệ thống thông tin nội bộ và lưu trữ thông tin; cung cấp thông tin và giải trình chính xác, kịp thời về hoạt động của Ban quản lý dự án theo yêu cầu của người quyết định đầu tư và của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Các nhiệm vụ giám sát, đánh giá và báo cáo: Thực hiện giám sát đánh giá đầu tư theo quy định của pháp luật; định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện dự án với người quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án, gồm:

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quản lý dự án theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Luật Xây dựng;

b) Phối hợp hoạt động với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án để bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn và bảo vệ môi trường;

c) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án khác do người quyết định đầu tư, chủ đầu tư giao hoặc ủy quyền thực hiện.

3. Nhận ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ký kết với các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu, phù hợp với năng lực hoạt động của mình.

4. Giám sát thi công xây dựng công trình khi đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế và kinh phí hoạt động

1. Lãnh đạo Ban

- a) Ban có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc;
- b) Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình tỉnh Vĩnh Phúc là người đứng đầu Ban, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban;
- c) Phó Giám đốc Ban là người giúp Giám đốc Ban chỉ đạo một hoặc một số lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Ban vắng mặt, một Phó Giám đốc Ban được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban;
- d) Giám đốc và Phó Giám đốc Ban là cán bộ thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, nhận xét đánh giá, đào tạo bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác theo quy định của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc và pháp luật.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban có Trưởng phòng, không quá 02 Phó trưởng phòng, gồm:

- a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- b) Phòng Kinh tế;
- c) Phòng Kỹ thuật;
- d) Phòng Quản lý dự án.

3. Biên chế: Được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên cơ sở vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình tỉnh Vĩnh Phúc được hợp đồng lao động theo công việc; chế độ, chính sách đối với người lao động hợp đồng được áp dụng, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Kinh phí hoạt động và chế độ tiền lương: Kinh phí hoạt động theo nguyên tắc tự bảo đảm kinh phí thường xuyên từ nguồn kinh phí quản lý dự án và từ nguồn ngân sách của tỉnh cấp theo quy định.

Chế độ tiền lương của cán bộ, viên chức và người lao động hợp đồng được áp dụng thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Giao Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình tỉnh

1. Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban theo quy định. Xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bố trí viên chức, lao động hợp đồng theo vị trí việc làm sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, nhận xét đánh giá, đào tạo bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế

độ, chính sách khác đối với cán bộ, viên chức và người lao động thuộc biên chế của Ban thực hiện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 18/2006/QĐ-UBND ngày 17/02/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vĩnh Yên.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình tỉnh Vĩnh Phúc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *mm*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; (b/c)
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- CPCT, CPVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Như Điều 5 (thực hiện);
- Website CP, Công báo tỉnh, Báo VP;
- Đài PTTH tỉnh, Công TTGTĐT tỉnh;
- CV NCTH VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

(60v). *TS*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trì